

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2025/DS-ST
Ngày: 09-6-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay có
cầm cố tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Huy Công

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Bình

Bà Nguyễn Ngọc Cúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đức Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Tất Bắc - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 302/2024/TLST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay có cầm cố tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2025/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 458/2025/QĐST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần S;

Địa chỉ: A N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Địa chỉ liên hệ: Số B, quốc lộ A, Khu phố E, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Somyot N - Chủ tịch Hội đồng quản trị; ông Kanokwatpaisal N1 - Giám đốc và ông T – Giám đốc.

(Ông Somyot N, ông Kanokwatpaisal N1 và ông T thỏa thuận ông Kanokwatpaisal N1 đại diện Công ty tham gia tố tụng tại Tòa án)

Ông Kanokwatpaisal N1 ủy quyền cho: Ông Lê Hoàng L, sinh năm 1989;
Địa chỉ: Ấp Q, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Ông L có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N2, sinh năm 1995;

Địa chỉ: số A, Tổ D, Ấp E, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

(Bà N2 - vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lê Hoàng L trình bày:

Vào ngày 16/06/2020 bà Nguyễn Thị N2 và Công ty Cổ phần S (Cũ là Công ty TNHH S1) ký hợp đồng cầm cố tài sản số: PVM200601016NA20X, số đăng ký giao dịch đảm bảo trên Hệ thống Đăng ký Trực tuyến của Cục Đ: Giaodichdambao/botuphap: 1342136665 theo website: <https://dktructuyen.moj.gov.vn/>

Theo hợp đồng tài sản bà N2 cầm cố là: 01 xe mô tô hai bánh biển số 60B9-641.45; loại xe Honda Vision, màu: đỏ nâu; số khung 5824LY010056, số máy JF86E0439635; số Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 072573 do Công an tỉnh Đ cấp ngày 24/04/2020. Số tiền cầm cố là 25.000.000đ; thời hạn cầm cố 12 tháng kể từ ngày 16/6/2020 đến 16/6/2021; lãi suất cố định là 1,1%/tháng trên dư nợ thực tế, tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền; phí thẩm định tài sản là 4%/tháng trên dư nợ thực tế, tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền, phí đăng ký và xóa giao dịch đảm bảo là 150.000đ/lần; phí trả chậm tương đương 150% lãi suất quy định và phí quản lý hồ sơ. Theo hợp đồng cầm cố đã ký thì Công ty đã chuyển khoản đầy đủ số tiền 25.000.000đ cho bà N2.

Do nhu cầu cần có xe đi lại sử dụng hàng ngày, nên bà N2 có xin mượn lại xe và đã ký giấy mượn xe với Công ty thời hạn mượn là 30 ngày từ ngày 16/6/2020 đến 16/7/2020, đến nay bà N2 chưa trả xe. Công ty không giữ xe, chỉ giữ giấy chứng nhận đăng ký xe của bà N2. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà N2 mới thanh toán số tiền 5.674.000 đồng bao gồm: Tiền nợ gốc 3.203.639,85 đồng, tiền lãi: 532.822,77 đồng, phí: 1.937.537,37 đồng, sau đó thì không tiếp tục thanh toán thêm số tiền nào khác, vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Vì vậy, Công ty Cổ phần S Có Ngay yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị N2 phải thanh toán cho Công ty tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 09/6/2025 tổng cộng là 43.930.036 đồng. Trong đó, nợ gốc là: 21.797.229 đồng, lãi trong hạn: 1.416.720 đồng, nợ lãi quá hạn: 20.716.087 đồng. Ngoài ra, kể từ ngày 10/06/2025 bà N2 còn phải tiếp tục chịu lãi suất, các phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký cho đến khi thanh toán hết khoản nợ.

Trước khi mở phiên tòa, Công ty Cổ phần S Có Ngay rút một phần yêu cầu khởi kiện: Không yêu cầu bà N2 trả phí quản lý hồ sơ cố định số tiền 5.151.707 đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị N2:

Đã được Tòa án triệu tập để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày tại Tòa án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng, bị đơn không chấp hành quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn phải chịu chi phí tố tụng và án phí theo quy định pháp luật. Hoàn trả nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán nợ vay từ việc cầm cố tài sản. Do đó, quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay có cầm cố tài sản” theo quy định tại Điều 309, Điều 463 Bộ luật Dân sự 2015.

Theo kết quả xác minh ngày 10/02/2025 tại Công an xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai: bà N2 đang cư trú tại: số A, Tổ D, Ấp E, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc vắng mặt của các đương sự:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1]. Xét hợp đồng cầm cố: PVM200601016NA20X ký ngày 16/6/2020 giữa bà Nguyễn Thị N2 và Công ty Cổ phần S (Cũ là Công ty TNHH S1) để bà N2 vay số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng), được các bên xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, nên đây là hợp đồng hợp pháp, phù hợp với quy định với Điều 309, Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà N2 mới thanh toán số tiền 5.674.000 đồng bao gồm: Tiền nợ gốc 3.203.639,85 đồng, tiền lãi: 532.822,77 đồng, phí: 1.937.537,37 đồng, sau đó thì không tiếp tục thanh toán thêm số tiền nào khác là vi phạm nghĩa vụ theo Điều 311, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, Công ty Cổ phần S Có Ngay yêu cầu bà Nguyễn Thị N2 phải thanh toán cho Công ty tiền nợ gốc tính đến ngày 09/6/2025 là: 21,797,229 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[2.2]. Về yêu cầu tính lãi: Theo Hợp đồng số PVM200601016NA20X mà các bên đã ký kết; thời hạn cầm cố 12 tháng kể từ ngày 16/6/2020 đến 16/6/2021; lãi suất cố định là 1,1%/tháng trên dư nợ thực tế, tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền; phí thẩm định tài sản là 4%/tháng trên dư nợ thực tế, tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền, phí đăng ký và xóa giao dịch đảm bảo là 150.000đ/lần; phí trả chậm

tương đương 150% lãi suất quy định và phí quản lý hồ sơ. Tuy nhiên, từ ngày 16/9/2020 đến nay, đã quá hạn Hợp đồng nhưng bà N2 không thực hiện nghĩa vụ theo thanh toán. Công ty Cổ phần S Có Ngay yêu cầu bà Nguyễn Thị N2 phải thanh toán cho Công ty tiền lãi của số tiền nợ gốc 21,797,229 đồng tính đến ngày 09/6/2025 là: lãi trong hạn: 1,416,720 đồng, nợ lãi quá hạn: 20,716,087 đồng. Căn cứ Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 6 Điều 29 Nghị định 96/2016/NĐ-CP01/7/2016 của Chính phủ và điểm a khoản 2 Điều 4 Nghị Quyết 01/2019/NQ - HĐTP01/10/2029 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[2.3]. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án. Mặc dù, bà N2 đã được Tòa án tổng đạt (niêm yết) các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; các giấy triệu tập làm việc; thông báo về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa; các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn giao nộp cho Tòa án. Tuy nhiên, bà N2 không đến làm việc, không tham gia tố tụng, cũng không trình bày ý kiến, không thực hiện nghĩa vụ chứng minh, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xác định được số tiền bà N2 đã trả cụ thể và các nội dung khác.

[2.4]. Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu của nguyên đơn, các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và các quy định của pháp luật. Buộc bà Nguyễn Thị N2 phải thanh toán cho Công ty Cổ phần S Có Ngay tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 09/6/2025 tổng cộng là 43.930.036 đồng. Trong đó, nợ gốc là: 21.797.229 đồng, lãi trong hạn: 1.416.720 đồng, nợ lãi quá hạn: 20.716.087 đồng. Ngay sau khi bà N2 thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn có trách nhiệm giao trả lại Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 072573 do Công an tỉnh Đ cấp ngày 24/04/2020 cho bà N2.

[3]. Về tài sản cầm cố: 01 xe mô tô hai bánh biển số 60B9-641.45; loại xe Honda Vision, màu: đỏ nâu; số khung 5824LY010056, số máy JF86E0439635; số Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 072573 do Công an tỉnh Đ cấp ngày 24/04/2020 được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Công ty Cổ phần S đã giao xe cho bà N2 theo Giấy mượn xe ngày 16/6/2020, nhưng không yêu cầu xử lý tài sản cầm cố, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4]. Đối với việc Công ty Cổ phần S Có Ngay rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền phí quản lý hồ sơ cố định là 5.151.707 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, việc rút một phần yêu cầu của Công ty là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận. Do đó, căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

[5]. Về án phí và chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải thanh toán lại chi phí tố tụng đã tạm ứng trước đó cho nguyên đơn và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể:

[5.1]. Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Buộc bà N2 phải chịu 43.930.036 đồng x 5% = 2.196.500đ (đã làm tròn) án phí dân sự có giá ngạch. Hoàn trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí 1.119.968 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0010165 ngày 29/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu.

[5.2]. Bà Nguyễn Thị N2 phải thanh toán lại chi phí tố tụng 1.500.000đ (Một triệu, năm trăm nghìn đồng) cho Công ty cổ phần S Có Ngay.

[6]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu phù hợp với tài liệu, chứng cứ và với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 244, Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 309, 311, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 6 Điều 29 Nghị định 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; Điều 4, điểm a Khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm”; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S về việc “Tranh chấp hợp đồng vay có cầm cố tài sản” đối với bà Nguyễn Thị N2.

- Buộc bà Nguyễn Thị N2 phải thanh toán cho Công ty Cổ phần S Có Ngay tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 09/6/2025 tổng cộng là 43.930.036 đồng (Bốn mươi ba triệu, chín trăm ba mươi nghìn, không trăm ba mươi sáu đồng) cùng với tiền lãi suất và các chi phí phát sinh theo như thỏa thuận trong Hợp đồng cầm cố tài sản PVM200601016NA20X ngày 16/6/2020 kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2025 cho đến khi bà N2 thanh toán hết số tiền nêu trên.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Ngay sau khi bà N2 thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Công ty Cổ phần S Có Ngay có trách nhiệm giao trả lại Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 072573 do Công an tỉnh Đ cấp ngày 24/04/2020 cho bà N2.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần S Có Ngay đối với yêu cầu khởi kiện số tiền phí quản lý hồ sơ có định là 5.151.707 đồng

(Năm triệu, một trăm năm mươi một nghìn, bảy trăm lẻ bảy đồng) với bà Nguyễn Thị N2.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng:

3.1. Bà N2 phải chịu 2.196.500 đồng (Hai triệu, một trăm chín mươi sáu nghìn, năm trăm đồng) án phí dân sự có giá ngạch. Hoàn trả lại Công ty Cổ phần S Có Ngay tiền tạm ứng án phí là 1.119.968 đồng (Một triệu, một trăm mười chín nghìn, chín trăm sáu mươi tám đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0010165 ngày 29/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu.

3.2. Bà Nguyễn Thị N2 phải thanh toán lại chi phí tố tụng 1.500.000 đồng (Một triệu, năm trăm nghìn đồng) cho Công ty cổ phần S Có Ngay.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện V;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện V;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Huy Công